TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ – ST.
Ngày: 10/02/2023.
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng.
2. Bà Vũ Thị Thùy Dương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 455/2022/LTST-HNGĐ ngày 10/11/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Đ T H, sinh năm: 1989

HKTT và nơi cư trú: tổ 6, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: anh Phạm Văn L, sinh năm: 1988

HKTT và nơi cư trú: tổ 6, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Hòa vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất nguyên đơn chị Đ T H trình bày:

Chị và anh P V Ltrên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai ngày 26/6/2008. Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị cho rằng anh L độc đoán gia trưởng, nên hay cãi vã, vợ chồng ly thân từ tháng 08 năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: anh chị có 03 người con chung là cháu P Đ N P, sinh ngày 30/10/2009, cháu P Đ N Ph, sinh ngày 28/02/2016 và cháu P Đ N H, sinh ngày 16/01/2018. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cả 03 con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 12/12/2022, biên bản lấy lời khai đối chất bị đơn anh P V Ltrình bày: Về việc đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân đúng như chị Hòa trình bày. Nay chị Hòa yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: anh chị có 03 người con chung là cháu P Đ N P, sinh ngày 30/10/2009, cháu P Đ N Ph, sinh ngày 28/02/2016 và cháu P Đ N H, sinh ngày 16/01/2018. Khi ly hôn, anh L đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và tạm thời không yêu cầu chị Hòa phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Các điều 85, 89, 91, 92 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hòa; Về con chung: Giao con chung cháu P Đ N P, sinh ngày 30/10/2009, cháu P Đ N Ph, sinh ngày 28/02/2016 và cháu P Đ N H, sinh ngày 16/01/2018 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị Hòa không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết; Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đ T H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Phạm Văn L. Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp

nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị Hòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Chị Đ T H và anh P V Ltự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai ngày 26/6/2008 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Hòa trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 08 năm 2022 cho đến nay, cho nên chị Hòa yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L cũng xác định trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Hòa trình bày và đồng ý ly hôn với chị Hòa. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Hòa và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhập yêu cầu ly hôn của chị Hòa.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: chị Hòa đề nghị giao cháu P Đ N P, sinh ngày 30/10/2009, cháu P Đ N Ph, sinh ngày 28/02/2016 và cháu P Đ N H, sinh ngày 16/01/2018 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị Hòa không phải cấp dưỡng nuôi con; anh L cũng đồng ý với ý kiến này của chị Hòa, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của chị Hòa.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Hòa, anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Đ T H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đ T H. Chị Đ T H được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu P Đ N P, sinh ngày 30/10/2009, cháu P Đ N Ph, sinh ngày 28/02/2016 và cháu P Đ N H, sinh ngày 16/01/2018 cho anh P V Ltrực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Tạm thời chị Đ T H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đ T H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ T H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ T H đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001617 ngày 09/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị Đ T H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Cẩm Mỹ;*
- *Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *UNBD* xã Sông Ray *(GCNKH số:94/2008)*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo